

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH TIỀN GIANG
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN TÂN PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 64/TB-THADS

Tân phước, ngày 28 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá

Căn cứ Khoản 02 Điều 101 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 01/2022/QĐCNHGT-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐCNHGT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Quyết định số 25/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Bản án số 36/2022/DSST ngày 26 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 49/QĐ-CCTHADS ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 63/QĐ-CCTHADS ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 14/QĐ-CCTHADS ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 52/QĐ-CCTHADS ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 08/QĐ-CCTHADS ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 418/QĐ-CCTHADS ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 04/QĐ-CCTHADS ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 23865/CT-TĐG ngày 10/10/2023 của Công ty TNHH thẩm định giá NOVA.

Căn cứ Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án kèm theo Quyết định số 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25/12/2020 của Tổng cục Thi hành án dân sự, Thông tư số 02/2022/TT-BTP của Bộ Tư Pháp về việc lựa chọn tổ chức Bán đấu giá.

Căn cứ Thông báo số 49/TB-CCTHADS ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá.

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá tài sản.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang lựa chọn Công ty đấu giá Hợp Danh Tây Nam

Địa chỉ: số 04 Nguyễn Bình Khiêm, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản các tài sản đã kê biên như sau:

1. Quyền sử dụng đất:

1.1 Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất 1101, tờ bản đồ 02 diện tích 1.593.8m² (diện tích thực đo 1.526.3m²), đất trồng cây lâu năm, do sở tài nguyên và môi trường cấp cho bà Nguyễn Thị Mộng Thu sinh năm 1987 theo số vào sổ cấp GCN số CS00664 ngày 14/9/2018 tọa lạc tại ấp Tân Hưng Đông, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang với giá thẩm định 2.946.693.469 đồng (*hai tỷ, chín trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi ba ngàn, bốn trăm sáu mươi chín đồng*).

1.2 Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất 1107, tờ bản đồ 02 diện tích 70m² (diện tích thực đo 70m²), đất thương mại dịch vụ, do sở tài nguyên và môi trường cấp cho bà Nguyễn Thị Mộng Thu sinh năm 1987 theo số vào sổ cấp GCN số CH 00652 ngày 16/8/2018 tọa lạc tại ấp Tân Hưng Đông, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang với giá thẩm định là 166.342.557 đồng (*một trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi hai ngàn, năm trăm năm mươi bảy đồng*).

1.3 Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất 1108, tờ bản đồ 02 diện tích 80m² (diện tích thực đo 80m²), đất thương mại dịch vụ, do sở tài nguyên và môi trường cấp cho bà Nguyễn Thị Mộng Thu sinh năm 1987 theo số vào sổ cấp GCN số CH 00653 ngày 16/8/2018 tọa lạc tại ấp Tân Hưng Đông, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang với giá thẩm định là 190.105.780 đồng (*một trăm chín mươi triệu, một trăm lẻ năm ngàn, bảy trăm tám mươi đồng*).

1.4 Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất 1109, tờ bản đồ 02 diện tích 49m² (diện tích thực đo 49m²), đất thương mại dịch vụ, do sở tài nguyên và môi trường cấp cho bà Nguyễn Thị Mộng Thu sinh năm 1987 theo số vào sổ cấp GCN số CH 00654 ngày 16/8/2018 tọa lạc tại ấp Tân Hưng Đông, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang với giá thẩm định là 116.439.790

đồng (một trăm mười sáu triệu, bốn trăm ba mươi chín ngàn, bảy trăm chín mươi đồng).

1.5 Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất 1106, tờ bản đồ 02 diện tích 1.573.8m² (diện tích thực đo 1.538.9m²), đất trồng cây lâu năm, do sở tài nguyên và môi trường cấp cho bà Nguyễn Thị Mộng Thu sinh năm 1987 theo sổ vào sổ cấp GCN số CS 00665 ngày 14/9/2018 tọa lạc tại ấp Tân Hưng Đông, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang với giá thẩm định là 2.971.019.184 đồng (hai tỷ, chín trăm bảy mươi một triệu, không trăm mười chín ngàn, một trăm tám mươi bốn đồng).

1.6 Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất 1099, tờ bản đồ 02 diện tích 1580.1m² (diện tích thực đo 1.512.3m²), đất trồng cây lâu năm, do sở tài nguyên và môi trường cấp cho bà Nguyễn Thị Mộng Thu sinh năm 1987 theo sổ vào sổ cấp GCN số CH 00663 ngày 14/9/2018 tọa lạc tại ấp Tân Hưng Đông, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang với giá thẩm định là 2.919.664.898 đồng (hai tỷ, chín trăm mười chín triệu, sáu trăm sáu mươi bốn ngàn, tám trăm chín mươi tám đồng).

2. Cây trồng trên đất gồm:

Xoài loại A 33 cây giá thẩm định là 91.542.000 đồng (chín mươi một triệu, năm trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Mít loại D 04 cây với giá thẩm định là 2.276.000 đồng (hai triệu, hai trăm bảy mươi sáu ngàn đồng)

Ổi loại C 02 cây với giá thẩm định là 168.000 đồng (một trăm sáu mươi tám ngàn đồng)

Cóc loại D 01 cây với giá thẩm định là 156.000 đồng (một trăm năm mươi sáu ngàn đồng)

3. Công trình xây dựng trên đất:

3.1 Trụ bơm xăng: 03 trụ đơn (hiện trạng vẫn còn motua, lóc máy bơm, bầu lường, van điện, bộ số điện tử). Không xác định được tình trạng hoạt động (đã được niêm phong) với giá thẩm định là 66.500.001 đồng (sáu mươi sáu triệu, năm trăm ngàn, lẻ một đồng).

3.2 Trụ bơm xăng: 01 trụ đôi (hiện trạng vẫn còn motua, lóc máy bơm, bầu lường, van điện, bộ số điện tử). Không xác định được tình trạng hoạt động (đã được niêm phong) với giá thẩm định là 36.166.667 đồng (ba mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

3.3 Đường ống dẫn xăng dầu với giá thẩm định là 4.600.598 đồng (bốn triệu, sáu trăm, năm trăm chín mươi tám đồng).

3.4 Bồn chứa xăng dầu có 02 bồn với giá thẩm định là 59.666.666 đồng (năm mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)



3.5 Ống thoát hơi có 03 ống với giá thẩm định là 649.890 đồng (sáu trăm bốn mươi chín ngàn, tám trăm chín mươi đồng).

3.6 Mái che trụ bom với giá thẩm định là 161.666.667 đồng (một trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

3.7 Hàng rào di động mặt tiền trước với giá thẩm định là 16.666.667 đồng (mười sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

3.8 Hệ thống thoát nước với giá thẩm định là 36.566.667 đồng (ba mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

3.9 Khu vực bồn chứa nước + Khu vực đài nước với giá thẩm định là 6.033.333 đồng (sáu triệu, không trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng)

3.10 Hệ thống nước nóng lạnh dùng trong sinh hoạt gia đình với giá thẩm định là 1.516.667 đồng (một triệu, năm trăm mười sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

3.11 Bộ thu lôi chống sét với giá thẩm định là 9.266.667 đồng (chín triệu, hai trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

4. Công trình xây dựng trên đất gồm

4.1 Nhà văn phòng với giá thẩm định là 423.540.000 đồng (bốn trăm hai mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi ngàn đồng).

4.2 Mái che diện tích 68,2m² với giá thẩm định là 36.807.540 đồng (ba mươi sáu triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, năm trăm bốn mươi đồng)

4.3 Mái che khu xây dựng bồn xăng với giá thẩm định là 22.436.960 đồng (hai mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn, chín trăm sáu mươi đồng).

4.4 Nhà vệ sinh với giá thẩm định là 18.104.800 đồng (mười tám triệu, một trăm lẻ bốn ngàn, tám trăm đồng).

4.5 Nhà kho với giá thẩm định là 106.363.530 đồng (một trăm lẻ sáu triệu, ba trăm sáu mươi ba ngàn, năm trăm ba mươi đồng).

4.6 Hàng rào xung quanh với giá thẩm định là 271.447.200 đồng (hai trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm bốn mươi bảy ngàn, hai trăm đồng)

4.7 Sân đan với giá thẩm định là 358.776.000 đồng (ba trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn đồng)

4.8 Khu vực bồn chứa nước với giá thẩm định là 3.798.240 đồng (ba triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn, hai trăm bốn mươi đồng)

4.9 Bồn chứa nước với giá thẩm định là 24.397.152 đồng (hai mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi bảy ngàn, một trăm năm mươi hai đồng)

4.10 Khối lượng cát tôn nền 4.900m³ với giá thẩm định là 931.000.000 đồng (chín trăm ba mươi một triệu đồng)

Vậy, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang thông báo để các đương sự, tổ chức đấu giá, Công ty đấu giá Hợp Danh Tây Nam biết và xúc tiến việc ký hợp đồng dịch vụ đấu giá đối với tài sản kê biên theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND HTP (KS);
- Trang TT Cục THADS tỉnh
- Công TTĐTQG về ĐGTS;
- Email: tiengiang@moj.gov.vn (để đăng tải)
- Lưu VT + HS.THA;

CHẤP HÀNH VIÊN



Trương Thị Kim Quyên



